

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2020/KDTM-ST

Ngày: 27-4-2020

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng
thuê hàng hóa*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan.

Ông Trần Công Danh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 48/2019/TLST-KDTM ngày 21 tháng 6 năm 2019, về việc “*Tranh chấp Hợp đồng thuê tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-KDTM ngày 17 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2020/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xây dựng T
Địa chỉ: 58/11, Quốc lộ 1A, ấp T, xã B, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Ngọc T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Tấn P – Chức vụ: Phó Giám đốc (theo văn bản ủy quyền ngày 09/12/2019).

- Bị đơn: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại L.

Địa chỉ: Phòng 2, Lầu 2, D69, khu dân cư B, khu phố 1, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đào H – Chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc.

(Ông P có đơn xin xét xử vắng mặt, Công ty TNHH Xây dựng Thương mại L vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông P trình bày:

Ngày 15/12/2016, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xây dựng T (gọi tắt là Công ty T) ký kết Hợp đồng kinh tế số 138-16/HĐCTTB, ngày 22/12/2016 hai bên ký thêm phụ lục hợp đồng kinh tế kèm theo số 01/138/16/HĐCTTB, có nội dung: Công ty T cho Công ty TNHH Xây dựng Thương mại L (gọi tắt là Công ty L) thuê các thiết bị xây dựng để thi công công trình; tên thiết bị, số lượng, giá thuê, giá trị thiết bị, tổng giá trị hợp đồng căn cứ theo bảng kê thể hiện trên số liệu của biên nhận giao hàng hoặc phiếu xuất. Phương thức thanh toán: Hàng tháng Công ty T sẽ gửi cho Công ty L bảng tính tiền thuê thiết bị xây dựng, trong vòng 05 ngày nếu Công ty L không hỏi báo hay yêu cầu sửa chữa gì thì xem như đã chấp nhận và bên Công ty L phải thanh toán tiền thuê trong vòng 05 ngày sau khi chấp nhận tiền thuê theo bảng tính tiền thuê.

Thực hiện đúng thỏa thuận hợp đồng, Công ty T đã giao đủ số thiết bị xây dựng theo yêu cầu của Công ty L (có biên nhận giao và phiếu xuất theo mỗi lần giao). Đến ngày 27/4/2018, Công ty L đã trả thiết bị thuê lần cuối nhưng vẫn không trả tiền thuê và số thiết bị thuê còn nợ lại với tổng số tiền là 1.475.878.896 đồng (Một tỷ, bốn trăm bảy mươi lăm triệu, tám trăm bảy mươi tám ngàn, tám trăm chín mươi sáu đồng). Công ty T đã nhiều lần liên hệ yêu cầu Công ty L thanh toán nợ nhưng Công ty L cố tình trốn tránh, không thực hiện.

Do đó Công ty T khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty L phải thanh toán số tiền nợ gốc là 1.475.878.896 đồng (Một tỷ, bốn trăm bảy mươi lăm triệu, tám trăm bảy mươi tám ngàn, tám trăm chín mươi sáu đồng), không yêu cầu phải trả tiền lãi. Ngoài ra, công ty không yêu cầu gì thêm và không còn tài liệu chứng cứ nào để bổ sung.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập và các tài liệu, chứng cứ của vụ án cho bị đơn là Công ty L và người đại diện theo pháp luật của công ty đến Tòa làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được lời khai.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn thực hiện không đúng.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty TNHH Xây dựng Thương mại L phải trả tổng số tiền nợ là 1.475.878.896 đồng (Một tỷ, bốn trăm bảy mươi lăm triệu, tám trăm bảy mươi tám ngàn, tám trăm chín mươi sáu đồng), Công ty T không yêu cầu Tòa án tính tiền lãi phát sinh nên không xem xét. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Thủ tục ủy quyền của nguyên đơn là Công ty T đảm bảo đúng theo quy định pháp luật. Ngày 24/4/2020, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn về việc xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào văn bản số 527/ĐKKD ngày 21/10/2019 của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai kèm theo bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp xác định Công ty TNHH Xây dựng Thương mại L có địa chỉ tại Phòng 2, Lầu 2, D69, Khu dân cư B, khu phố 1, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Công ty T khởi kiện Công ty L tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng kinh tế (thuê thiết bị xây dựng) số số 138-16/HĐCTTB và phụ lục hợp đồng kinh tế số 01/138/16/HĐCTTB ngày 22/12/2016 kèm theo. Căn cứ Điều 30, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 269 Luật thương mại xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hợp đồng thuê hàng hóa” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về tư cách đương sự tham gia tố tụng trong vụ án: Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định Công ty T là nguyên đơn, Công ty L là bị đơn trong vụ án.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 26/5/2017, Công ty L thanh toán tiền thuê lần cuối cho Công ty T. Đến ngày 27/4/2018, Công ty L thực hiện việc giao trả lần cuối thiết bị xây dựng đã thuê cho Công ty T. Ngày 26/3/2019, Công ty T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố B. Do đó, căn cứ Điều 429, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định yêu cầu khởi kiện của Công ty T vẫn còn thời hiệu khởi kiện

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty T, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Công ty T căn cứ vào các chứng cứ là “01 Hợp đồng cho thuê thiết bị xây dựng + 01 phụ lục hợp đồng, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH Xây dựng Thương mại L, 03 hóa đơn giá trị gia tăng, 01 bản chính bảng tổng hợp công nợ, 10 bản chính Bảng tính tiền thuê thiết bị xây dựng, 01 bản chính Bảng tính tiền bồi thường do làm mất thiết bị xây dựng, 40 bản sao biên nhận giao hàng, 07 bản sao phiếu xuất kho” thể hiện Công ty L có thuê hàng hóa là thiết bị xây dựng của Công ty T và số nợ gốc còn lại là 1.475.878.896 đồng (Một tỷ, bốn trăm bảy mươi lăm triệu, tám trăm bảy mươi tám ngàn, tám trăm chín mươi sáu đồng).

Quá trình làm việc, Tòa án đã niêm yết các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và thông báo, triệu tập hợp lệ cho Công ty L về việc thụ lý vụ án, làm

việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng Công ty L vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản đối, cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho sự phản đối đó. Như vậy, Công ty L đã từ bỏ quyền tự chứng minh và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ của nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

Công ty T cung cấp bản sao y chứng thực 01 Hợp đồng cho thuê thiết bị xây dựng, 01 phụ lục hợp đồng kinh tế thể hiện việc giao kết và thực hiện hợp đồng thuê hàng hóa với Công ty L là có thật. Căn cứ vào 03 hóa đơn giá trị gia tăng, các biên nhận giao hàng và phiếu xuất kho có ký xác nhận của bên thuê, bảng tính tiền thuê thiết bị xây dựng và bảng tính tiền bồi thường do làm mất thiết bị xây dựng theo thỏa thuận trong hợp đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ căn cứ để chấp nhận lời trình bày của Công ty T về quá trình giao nhận thiết bị xây dựng, số lượng, chủng loại và số tiền thuê Công ty L còn nợ là 1.475.878.896 đồng (Một tỷ, bốn trăm bảy mươi lăm triệu, tám trăm bảy mươi tám ngàn, tám trăm chín mươi sáu đồng).

Về lãi suất: Công ty T không yêu cầu Tòa án tính tiền lãi phát sinh nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, Công ty L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 56.276.367 đồng (Năm mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi sáu ngàn, ba trăm sáu mươi bảy đồng).

[7] Lời phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 35 và Điều 39, Điều 68, Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 429 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 269 Luật thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xây dựng T. Buộc Công ty TNHH Xây dựng Thương mại L phải thanh toán cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xây dựng T số tiền nợ gốc là 1.475.878.896 đồng (Một tỷ, bốn trăm bảy mươi lăm triệu, tám trăm bảy mươi tám ngàn, tám trăm chín mươi sáu đồng). Về lãi suất do Công ty T không yêu cầu Tòa án tính tiền lãi phát sinh nên không đặt ra xem xét.

Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 56.276.367 đồng (Năm mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi sáu ngàn, ba trăm sáu mươi bảy đồng).

Hoàn trả cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xây dựng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.138.000 đồng (Hai mươi tám triệu, một trăm ba mươi tám ngàn đồng) theo biên lai số 0008312 ngày 07/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND TP. B (02);
- Chi cục THADS TP. B (01);
- Các đương sự (4);
- Lưu HS-VP (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng Phương